

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51 /2023/HNGĐ-ST

Ngày: 31/7/2023

V/v “*Tranh chấp ly hôn*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Quốc Hưng;
- *Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Đỗ Minh Tân;
2. Ông Lê Anh Việt;

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Lê Thụy Thùy Trâm, Thư ký Tòa án Nhân dân huyện Châu Thành.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Trần Cao L, Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 31 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tiến hành xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2023/TLST-HNGĐ, ngày 14/3/2023, về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 116/2023/QĐXX-ST ngày 27/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 71/2023/QĐST-DS ngày 13/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Trần Thị K**, sinh năm 1987;

Địa chỉ thường trú và nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

2. Bị đơn: **Võ Văn M**, sinh năm 1981;

Địa chỉ thường trú: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Đồng Tháp;

Nơi ở hiện nay: ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn: **Trần Thị K** có mặt tại phiên tòa. Bị đơn: **Võ Văn M** vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện ngày 16/02/2023, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị **Trần Thị K** trình bày:

Năm 2005, chị K và anh M quen biết tìm hiểu khoảng một năm thì thống nhất kết hôn chung sống từ tháng 12 năm 2006, có đám cưới, nhưng **không đăng ký kết hôn**. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc.

Đến năm 2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nhiều lần cự cãi, xô xát, nguyên nhân do anh M không tôn trọng chị K, hay ghen tuông vô cớ, thấy không vừa lòng chuyện gì cũng kiếm cớ chửi tục, vu khống là chị K quan hệ bất chính với người khác, rồi đánh

đập chị K nhiều lần, làm cho chị K phải bỏ nhà đi trốn tránh nhiều lần, do con còn nhỏ nên chị K nhẫn nhục chịu đựng nuôi con. Chị K có khuyên can, giải thích nhưng anh M cố ý không chịu hiểu, không thay đổi, vẫn kiên cố đánh đập chị K, làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn.

Nay chị K nhận thấy hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn anh M.

Con chung: có một con chung là Võ Thanh S sinh ngày 15/11/2007. Hiện nay chị K anh M đang nuôi con. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, tạm thời không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Cháu Võ Thanh S có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị K cam kết tạo điều kiện cho anh Võ Văn M đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Tại phiên tòa, chị K trình bày có thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng, đủ điều kiện nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Chị K trình bày không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

2. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Bị đơn anh Võ Văn M không đến Tòa án trình bày ý kiến, yêu cầu và cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến, yêu cầu liên quan trong vụ án.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình tố tụng, giải quyết, và xét xử vụ án của Hội đồng xét xử tại phiên tòa được thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn chấp hành thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng, Bị đơn không chấp hành thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng, trong quá trình giải quyết, xét xử. Thống nhất với trình tự, thủ tục thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án **có mặt Nguyên đơn, vắng mặt Bị đơn.**

Về quan điểm giải quyết: chị K và anh M chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên đây là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, chị K xin ly hôn, do đó đề nghị không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị K và anh M. Về con chung: đề nghị giao cho chị K nuôi con chung là **Võ Thanh S sinh ngày 15/11/2007. Chị K không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; tài sản chung, nợ chung: chị K trình bày không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết, do đó đề nghị không xem xét, giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung, nợ chung.** Về án phí: đề nghị xét xử nguyên đơn phải chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn khởi kiện về “Tranh chấp ly hôn” của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết, xét xử của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

Tại phiên tòa lần thứ nhất vào lúc **14 giờ ngày 13/7/2023**, nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa lần thứ hai vào lúc 08 giờ ngày 31/7/2023, nguyên đơn chị Trần Thị K có mặt, bị đơn anh Võ Văn M vắng mặt không có lý do, thủ tục tố tụng đạt Quyết định đưa

vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đều hợp lệ, nên Hội đồng xét xử quyết định tiếp tục tiến hành phiên tòa xét xử vụ án có mặt nguyên đơn và vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn Trần Thị K. Xét thấy: chị K trình bày chị K và anh M tự nguyện chung sống như vợ chồng từ tháng 12 năm 2006, có đám cưới, nhưng không đăng ký kết hôn cho đến nay. Ủy ban Nhân dân xã Phú Long và Ủy ban Nhân dân xã Tân Phú (là địa chỉ nơi đăng ký thường trú và nơi ở hiện nay của đương sự) đều xác nhận chị K và anh M không có đăng ký kết hôn tại các địa phương này. Hội đồng xét xử xét thấy chị K và anh M tự nguyện chung sống như vợ chồng, có đủ điều kiện kết hôn nhưng chị K và anh M không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, là vi phạm quy định pháp luật về đăng ký kết hôn, do đó quan hệ giữa chị K và anh M không được pháp luật công nhận là quan hệ vợ chồng hợp pháp. Quá trình chung sống, chị K và anh M nhiều lần cự cãi xô xát, anh M nhiều lần chửi, đánh, xúc phạm chị K, mâu thuẫn phát sinh ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị K yêu cầu ly hôn anh M. Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, anh M không trình bày ý kiến, yêu cầu liên quan về hôn nhân. Do vậy, Hội đồng xét xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị K và anh M theo quy định tại Điều 9, Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.1] Về con chung: Chị K trình bày chị K và anh M có một con chung là Võ Thanh S sinh ngày 15/11/2007. Hiện nay chị K anh M đang nuôi con. Chị K yêu cầu được trực tiếp nuôi con, tạm thời không yêu cầu anh M cấp dưỡng nuôi con. Chị K có thu nhập ổn định, đủ điều kiện nuôi con. Cháu Võ Thanh S có nguyện vọng được sống với mẹ. Chị K cam kết tạo điều kiện cho anh Võ Văn M đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Quá trình giải quyết, xét xử vụ án, anh M không trình bày ý kiến, yêu cầu liên quan về con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thống nhất giao cho chị K nuôi con Võ Thanh S sinh ngày 15/11/2007 và không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con. Anh Võ Văn M đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung theo quy định pháp luật mà không ai được ngăn cản.

[2.2] Về tài sản chung và nợ chung: chị K trình bày không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết. Anh M cũng không trình bày ý kiến, yêu cầu liên quan về tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình: Chị Trần Thị K phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình theo luật định.

[4] Ý kiến quan điểm của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều: 5, 28, 35, 39, 91, 92, 147, 235, Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều: 8, 9, 14, 51, 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Các Điều: 26, 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBNTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Trần Thị K và anh Võ Văn M.

2. Về con chung: **Giao cho chị Trần Thị K nuôi con Võ Thanh S sinh ngày 15/11/2007 đến khi trưởng thành 18 tuổi.**

Chị Trần Thị K tạm thời không yêu cầu anh Võ Văn M cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về việc cấp dưỡng nuôi con.

Anh Võ Văn M có quyền và nghĩa vụ đến thăm nom chăm sóc giáo dục con chung theo quy định pháp luật mà không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: chị K trình bày không có và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết về tài sản chung và nợ chung.

4. Về án phí: Chị Trần Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình. Số tiền tạm ứng án phí chị K đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số ngày 14/3/2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, được trừ vào án phí hôn nhân gia đình phải nộp 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều: 6, 7, và 9 của Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. **Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.**

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSND huyện Châu Thành ;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành ;
- Lưu HSVA (NQ.Hung)

Nguyễn Quốc Hưng